

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 309/2011/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2011*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 122/TTr-SNV ngày 18/8/2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/2011/QĐ-UBND  
ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Những nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng của địa phương.

#### **Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc thi đua: Tự nguyện, tự giác, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả thực hiện phong trào thi đua; cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; nếu không đăng ký thi đua sẽ không xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao hơn; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn; mỗi hình thức khen thưởng có thể tặng thưởng nhiều lần cho một đối tượng; không nhất thiết khen lần sau phải cao hơn lần trước; ưu tiên khen thưởng đối với tập thể nhỏ và người trực tiếp lao động, sản xuất kinh doanh;

c) Chú trọng khen thưởng cá nhân là công nhân, nông dân, hộ gia đình, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở cơ sở, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản; cán bộ, công chức, viên chức tình nguyện công tác và có thành tích ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh; cá nhân, tập thể hoạt động trong lĩnh vực trọng tâm, lĩnh vực khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém có nhiều cố gắng phấn đấu vươn lên;

d) Khen thưởng phải đảm bảo mục đích giáo dục tư tưởng, động viên tinh thần, kết hợp với khuyến khích bằng vật chất;

đ) Trường hợp bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật thì không xem xét khen thưởng;

e) Trong một năm chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một lần cho một đối tượng (trừ trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất); không khen thưởng đối với các tổ chức kiêm nhiệm được thành lập trong một thời gian nhất định để tham mưu, tư vấn thực hiện nhiệm vụ hoặc nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống;

g) Thực hiện khen thưởng gắn với tiêu chí đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho người đứng đầu các Sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và đơn vị được cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng vào dịp tổng kết công tác hàng năm.

## **Chương II**

### **DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 4. Các danh hiệu thi đua**

1. Danh hiệu đối với cá nhân: “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”, “Lao động tiên tiến”;

2. Đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Tập thể Lao động tiên tiến”; “Cơ quan văn hóa”; “Xã văn hóa”, “Phường văn hóa”, “Thị trấn văn hóa” (sau đây gọi chung là “Xã văn hóa”); “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (sau đây gọi chung là “Làng văn hóa”).

3. Đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hóa”.

#### **Điều 5. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét công nhận theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 12 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) và điểm a, mục 2, phần I Thông tư số

02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2011/TT-BNV), được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác năm của cơ quan, đơn vị.

## 2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”:

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, Điều 13 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

## 3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”:

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.

## 4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”:

a) Đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” cho cá nhân 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với toàn quốc;

b) Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến của tỉnh xem xét, công nhận.

## **Điều 6. Danh hiệu thi đua đối với tập thể**

### 1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”:

a) Tập thể Lao động tiên tiến là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ, có 100% cá nhân xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 28 của Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; phòng và tương đương thuộc ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các đơn vị cấp xã, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương trực thuộc UBND cấp huyện; khoa, phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; các xí nghiệp, nhà máy, phòng, phân xưởng, tổ, đội sản xuất và tương đương thuộc đơn vị sản xuất, kinh doanh.

### 2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”:

a) Tập thể Lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Tỷ lệ danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” của mỗi cơ quan, đơn vị, không quá 30% tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

### 3. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Cơ quan văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Xã văn hoá”:

a) Việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 18 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

b) Cơ quan văn hoá cấp tỉnh, Làng văn hoá cấp tỉnh là đơn vị tiêu biểu xuất sắc, được lựa chọn trong số các đơn vị có 05 năm liên tục trở lên đạt danh hiệu “Cơ quan văn hoá cấp huyện” hoặc “Làng văn hoá cấp huyện”;

Danh hiệu “Cơ quan văn hoá cấp tỉnh”, “Làng văn hóa cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm, tỷ lệ không quá 10% trong tổng số các đơn vị đạt danh hiệu “Cơ quan văn hoá cấp huyện”, “Làng văn hoá cấp huyện”.

c) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cơ quan văn hoá”, “Xã văn hoá”, “Làng văn hoá cấp tỉnh” phù hợp với quy định hiện hành.

#### 4. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các đơn vị trong khối thi đua cấp tỉnh đạt hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; các tập thể dẫn đầu trong lĩnh vực, ngành nghề của tỉnh hoặc tập thể tiêu biểu nhất phong trào thi đua theo chuyên đề.

Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho đơn vị cấp xã dẫn đầu phong trào thi đua của mỗi huyện, thành phố và 03 đơn vị cấp xã đứng đầu toàn tỉnh (lựa chọn trong số các đơn vị cấp xã dẫn đầu huyện, thành phố);

c) Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được các khối, cụm thi đua bình xét, suy tôn và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt hàng năm.

#### 5. Cờ thi đua của Chính phủ:

a) Việc xem xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

b) Cờ thi đua của Chính phủ được xét chọn trong số những tập thể đã được xét tặng Cờ thi đua hạng nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Chương III** **HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 7. Giấy khen**

Giấy khen tặng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 74, Điều 75 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

#### **Điều 8. Bằng khen**

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 49 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng vào dịp tổng kết công tác năm:

a) Mỗi cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương: không quá 30% trong tổng số đơn vị trực thuộc và không quá 7% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị;

b) Mỗi huyện, thành phố: chọn không quá 06 tập thể, 10 cá nhân.

3. Việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh vào dịp tổng kết, sơ kết các chương trình, kế hoạch, dự án thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Trường hợp Bộ, ngành Trung ương không có hướng dẫn về công tác khen thưởng thì Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có văn bản xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương khen thưởng. Sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị mới tiến hành xét duyệt và làm thủ tục đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân.

### **Điều 9. Các hình thức khen thưởng khác**

Việc xét đề nghị tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Kỷ niệm chương của các Bộ, ngành Trung ương được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các hướng dẫn thi hành khác.

## **Chương IV THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG, TRAO TẶNG, HỒ SƠ THỦ TỤC XÉT KHEN THƯỞNG**

### **Điều 10. Thẩm quyền khen thưởng**

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Cơ quan văn hóa cấp tỉnh”, “Làng văn hóa cấp tỉnh”, “Xã văn hoá”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; khoa, phòng và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; tổ, đội sản xuất và tương đương trực thuộc phòng, phân xưởng, xí nghiệp, nhà máy thuộc đơn vị sản xuất, kinh doanh.

### **Điều 11. Trao tặng**

1. Người có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức trao tặng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không tổ chức lễ trao tặng.

Việc tổ chức trao tặng bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với tình hình của đơn vị và có ý nghĩa giáo dục, tuyên truyền nêu gương học tập.

2. Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 12. Thủ tục trình khen thưởng**

1. Thủ tục trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể và đơn vị Trung ương trên địa bàn tỉnh:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng thì các Ban, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, các đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ điều kiện khen thưởng thì các Ban, cơ quan trực thuộc Huyện ủy, Thành ủy, các đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng tại địa phương có đủ điều kiện khen thưởng thì Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen.

3. Cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt khi tổng kết lựa chọn các điển hình thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

6. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng đúng quy định; hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thiết, Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp ý khen thưởng trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Sau 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Nếu quá thời hạn không có văn bản trả lời, Sở Nội vụ sẽ tiến hành các thủ tục trình khen theo quy định.

### **Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập và hoạt động theo quy định. Căn cứ tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị bố trí số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp. Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hội đồng khoa học, Hội đồng Sáng kiến của tỉnh có trách nhiệm xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh khi xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu kín khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên đối với danh hiệu: “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ sỹ nhân dân và ưu tú; 70% trở lên đối với các trường hợp còn lại đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng và Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 14. Trình tự, thủ tục tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Xã văn hoá”, “Cơ quan văn hóa cấp tỉnh”, “Làng văn hoá cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng qua Sở Nội vụ.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hồ sơ đủ điều kiện, 10 ngày làm việc đối với các trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý (trừ trường hợp phải xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Tờ trình của Sở Nội vụ.

**Điều 15. Trình tự, thủ tục đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng**



1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng qua Sở Nội vụ để thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với các hồ sơ đủ điều kiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét khen thưởng, Sở Nội vụ tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được tờ trình của Sở Nội vụ (trừ trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

### **Điều 16. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Làng văn hoá cấp tỉnh”, “Cơ quan văn hóa cấp tỉnh”, “Xã văn hoá” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (02 bản);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bản);

c) Biên bản của khối thi đua hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen (02 bản).

2. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” của cấp trình khen (02 bản);

b) Báo cáo thành tích đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bản);

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen (01 bản);

d) Bản sao một trong số các loại giấy tờ chứng minh có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh như: “Giấy chứng nhận sáng kiến”, “Quyền tác giả”, văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, Bằng lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam...(01 bản).

3. Hồ sơ đề nghị khen theo thủ tục đơn giản:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (02 bản);

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản).

4. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

5. Mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

**Điều 17. Trình tự, thủ tục và hồ sơ tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; “Làng văn hoá cấp huyện”, “Cơ quan văn hoá cấp huyện”**

1. Trình tự, thủ tục xét tặng:

a) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với các hồ sơ đủ điều kiện;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp họp xét khen thưởng, cơ quan Thường trực Hội đồng tổng hợp trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương mình khen thưởng đảm bảo theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (02 bản);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bản);

c) Biên bản họp bình xét khen thưởng của cấp trình khen thưởng (01 bản).

**Điều 18. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

1. Thông báo kết quả khen thưởng:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết. Đối với tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn được khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ khi cấp có thẩm quyền quyết định), cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng được biết.

2. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng:

a) Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ;

b) Sở Nội vụ chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

## **Chương V**

### **QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

**Điều 19. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng**

Nguồn, mức trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 3, Điều 5 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

**Điều 20. Cách tính và mức thưởng**

1. Cách tính và mức thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Mức thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho các đơn vị trong khối thi đua cấp tỉnh và đơn vị cấp xã đạt hạng nhất, hạng nhì, hạng ba trong toàn tỉnh: Cờ hạng nhất được thưởng 15,5 lần mức lương tối thiểu; Cờ hạng nhì bằng 50% cờ hạng nhất; Cờ hạng ba bằng 30% cờ hạng nhất; riêng mức thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho đơn vị cấp xã dẫn đầu của mỗi huyện, thành phố bằng 30% cờ hạng nhất.

Mức thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” do Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND huyện, thành phố công nhận bằng  $\frac{1}{2}$  mức thưởng của danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Mức thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho tập thể tại điểm 3, Điều 10 Quy định này bằng  $\frac{1}{2}$  mức thưởng của danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh. Mức thưởng danh hiệu “Cơ quan văn hoá cấp tỉnh”, “Làng văn hóa cấp tỉnh”, “Xã văn hoá” được thưởng 02 lần mức lương tối thiểu chung.

3. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số theo quy định. Hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mức thưởng cho các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng để thống nhất thực hiện trong năm.

**Điều 21. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh giao Sở Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện do Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Khen thưởng các chương trình, mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không quy định trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, mục tiêu đó.

5. Nội dung chi Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh trích Quỹ thi đua, khen thưởng để thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong các kỳ thi, hội thao trong nước,

khu vực hoặc quốc tế như: học sinh, sinh viên, vận động viên đạt giải cao; giáo viên, huấn luyện viên đào tạo học sinh và vận động viên đạt giải; các đề tài, tác phẩm, công trình đạt giải thưởng cấp tỉnh, cấp quốc gia; gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, các gương điển hình trong phong trào quần chúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này. Sở Nội vụ giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ quy định này để xây dựng quy định khen thưởng cho phù hợp với đơn vị, địa phương mình.

3. Đề nghị Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan Đảng, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, lực lượng vũ trang, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành Trung ương để thực hiện.

### **Điều 23. Điều khoản thi hành**

1. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy định này, các đơn vị, địa phương có thể quy định các hình thức động viên khác phù hợp nhưng không trái với quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**